TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 02 - 5 - 2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tranh chấp và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Văn Thái
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cam Thị Hồng
2. Ông Lăng Văn Toàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2017/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tranh chấp và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vi Văn L, sinh năm 1967.
Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Văn L (theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2018): Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974.
Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lương Duy T, sinh năm 1967
Địa chỉ cư trú: Số nhà 34 ngõ 2 đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày

16/01/2016 và văn bản ủy quyền ngày 15/3/2018): Bà Lương Thị N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Phố B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Chị Vi Thị Mỹ H, sinh năm 1995

3. Chị Vi Thị Hiền L, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vi Thị Mỹ H, chị Vi Thị Hiền L (theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2017 và văn bản ủy quyền ngày 26/4/2018): Ông Vi Văn L, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Bà Nông Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 34 ngõ 2 đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2016 và văn bản ủy quyền ngày 15/3/2018): Bà Lương Thị N, sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú: Phố B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn do ông Nguyễn Đình Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm người đại diện, vắng mặt. Ủy quyền cho ông Bành Văn D, chức vụ Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền số 19/UQ-UBND, ngày 20/3/2018, có mặt tại phiên tòa.

6. Chị Lương Thị Ngọc L, sinh năm 1989, công tác tại Đài truyền hình huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018): Bà Lương Thị N, sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú: Phố B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

7. Anh Lương Văn K, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Số nhà 34 ngõ 2 đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018): Bà Lương Thị N, sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú : Phố B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phương Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: Phố B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Ông Hoàng Tiến Đ, sinh năm 1964

Địa chỉ cư trú: Phố B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Anh Phương Văn N, sinh năm 1989

Địa chỉ cư trú: Phố B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vi Văn L trình bày:

Gia đình ông Vi Văn L có thửa đất số 364, tờ bản đồ số 67 với diện tích 344m^2, vị trí thửa đất tại thôn K, xã T, huyện V có nguồn gốc nhận chuyển nhượng với ông Phương Dính L trú tại Phố B, xã T, huyện V từ ngày 10/02/2015 và đã làm thủ tục kê khai được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 963541 ngày 13/02/2015 mang tên Vi Văn L và bà Phạm Thị T. Thửa đất phía tây giáp đất nhà ông Lương Duy T (nay bà Lương Thị N chị gái ruột ông T đang canh tác). Ngày 13/02/2016 gia đình ông Vi Văn L tiến hành đào móng xây dựng nhà máy sát thóc và công trình phụ trong chỉ giới thửa đất thì bị bà Lương Thị N cùng em trai lên đe dọa ngăn cản không cho xây dựng, từ đó xảy ra tranh chấp. Sau đó bà Lương Thị N làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T giải quyết tranh chấp diện tích đất lấn chiếm có chiều dài 25m, rộng 0,7m, tổng diện tích 8,75m^2. Ủy ban nhân dân xã T giải quyết hòa giải vụ việc giữa hai gia đình, kết luận giải quyết của Ủy ban nhân dân xã T cho gia đình ông Vi Văn L được tiếp tục quản lý và xây dựng phần đất được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi có thông báo kết luận hòa giải gia đình ông Vi Văn L tiến hành xây dựng bể nước uống thì bà Lương Thị N lên ngăn cản, làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T đình chỉ không cho xây dựng. Sau khi xác minh, đối chiếu trích đo bản đồ, sơ đồ thửa đất, ngày 23/02/2017 Ủy ban nhân dân xã T gửi thông báo cho gia đình ông Vi Văn L có nội dung hai gia đình phải thực hiện đúng theo kết luận buổi hòa giải ngày 20/4/2016. Gia đình ông Vi Văn L tiếp tục xây dựng công trình thì bà Lương Thị N, ông Lương Duy T lại ngăn cản không cho xây dựng. Tại đơn khởi kiện ông Vi Văn L đề nghị giải quyết tranh chấp 8,75m^2 đất. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ xác định đất tranh chấp đường ranh giới giáp đất ông Lương Duy T diện tích là 24,6m^2. Ông Vi Văn L yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích ranh giới đất đang tranh chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Nhà cấp cho gia đình ông Vi Văn L.

Tại ý kiến đối với thông báo thụ lý vụ án, các bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền bị đơn là bà Lương Thị N trình bày:

Thửa đất số 331 bản đồ số 67 có diện tích 1.271m^2 địa danh Đ, thôn K, xã T, huyện V có nguồn gốc do bố, mẹ ông Lương Duy T chuyển lên thành phố L sinh sống để lại, năm 1988 giao cho bà Lương Thị N là chị gái công tác tại xã T trực tiếp canh tác quản lý đến nay, trong quá trình canh tác sử dụng, năm 2008 ông Lương Duy T làm thủ tục kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 237376 ngày 19/12/2008, mang tên ông Lương Duy T, bà Nông Thị H. Thửa đất có cạnh tiếp giáp liền kề thửa đất nhà ông Vi Văn L trên bờ cao khoảng 01m, thửa đất của ông Vi Văn L nhận

chuyển nhượng của ông Phương Dính L từ năm 2015. Khi hai bên làm thủ tục chuyển nhượng không gọi gia đình ông Lương Duy T ký xác nhận tiếp giáp liền kề, sau đó ông Vi Văn L đào đất xây bể nước chiếm xuống đất vườn nhà ông Lương Duy T chiều rộng khoảng 1m, chiều dài 25m. Nay ông Lương Duy T yêu cầu được quản lý ranh giới diện tích đất tranh chấp; yêu cầu ông Vi Văn L tháo dỡ di dời bể nước đi chỗ khác; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vi Văn L do cấp không đúng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vi Thị Mỹ H và chị Vi Thị Hiền L ủy quyền cho bà Phạm Thị T trình bày: Gia đình bà Phạm Thị T đã nhận chuyển nhượng thửa đất với ông Phương Dính L và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi gia đình bà Phạm Thị T xây dựng bể nước thì bà Lương Thị N ngăn cản. Nay bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình bà Phạm Thị T được quản lý thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không nhất trí di dời công trình trên đất là bể nước, không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn có ý kiến tại Công văn số 166/UBND-TNMT, ngày 14/3/2018 và trình bày tại phiên tòa như sau:

Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 963541, ngày 13/02/2015 cho ông Vi Văn L, bà Phạm Thị T tại thôn K, xã T, huyện V đối với thửa đất số 364, diện tích 344m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2008, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình ông Lương Duy T và bà Nông Thị H làm thủ tục kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các cơ quan chuyên môn có xuống tại thực địa đo vẽ, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất đối với các hộ liền kề. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 237376 cấp ngày 19/12/2008 thửa đất số 331 diện tích 1271m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T cho ông Lương Duy T và bà Nông Thị H là đúng theo quy định của pháp luật.

Không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vi Văn L, đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho các bên tranh chấp theo giấy chứng nhận đã được cấp.

Những người làm chứng trình bày:

Ông Hoàng Tiến Đ cho rằng thửa đất vườn gia đình ông Lương Duy T được bố mẹ vợ giao cho vợ chồng ông HoàngTiến Đ canh tác từ năm 1987 đến nay, ông Vi Văn L lấn chiếm cuốc xuống phần đất của gia đình ông Lương Duy T là không đúng.

Bà Phương Thị H có quan hệ với bà Lương Thị N, Vi Văn L là làng xóm, không có quan hệ anh em họ hàng, không có mâu thuẫn với ai, bà Phương Thị H cho rằng thửa đất của bố bà là Phương Dính L giáp đất nhà bà Lương Thị N có cây dứa dại làm mốc nay nhà ông Vi Văn L đã đào đi, đất của gia đình bà Phương Thị H là trên bậc cao, đất bà Lương Thị N bên dưới, thửa đất ông Vi Văn L canh tác là do vợ chồng chị gái bà Phương Thị H là Phương Thị L và ông Đ2 được bố là Phương Dính L chia cho bán cho ông Vi Văn L và bà Phạm Thị

T. Thửa đất này trên bậc cao, khi nhận chuyển nhượng ông Vi Văn L canh tác đã cuốc lấn chiếm xuống phần đất của gia đình bà Lương Thị N là không đúng.

Bà Nguyễn Thị T có quan hệ với bà Lương Thị N là làng xóm, không có anh em họ hàng cho rằng, bà Nguyễn Thị T thấy thửa đất vườn nhà bà Lương Thị N canh tác từ xưa đến nay, bờ trên cao còn có cây dứa dại làm mốc, gia đình ông Vi Văn L đã cuốc lấn chiếm xuống đất nhà bà Lương Thị N là không đúng.

Kết quả những lần xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định tài sản tranh chấp gồm đất và công trình xây dựng như sau: Diện tích đất tranh chấp đo bằng thước dây là 24,02 m^2, do bằng máy là 24,6m^2 loại đất trồng cây hàng năm khác, tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có các phía tiếp giáp và độ dài các cạnh như sau: Phía Đông giáp với đất nhà ông Vi Văn L có độ dài cạnh là 33,6m; phía Tây giáp với đất của ông Lương Duy T có độ dài cạnh là 33,6m; phía Nam giáp với đường nông thôn; phía Bắc giáp với đất nghĩa địa (Có sơ đồ kèm theo), có giá trị là 24,6m^2 x 48.000đ = 1.180.800đ. Công trình xây dựng trên đất tranh chấp có 01 bể nước xây bằng gạch chỉ, tường đôi, có kích thước các cạnh 3,7 x 2,3 x 2,8 x 3,4 m, chiều cao 1,8m, đáy lát bằng gạch chỉ đổ bê tông, thể tích 9m^3, xây năm 2017 có giá trị là 9m^3 x 2.189.000đ = 19.701.000đ, tổng giá trị tranh chấp là 20.881.800đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật giải quyết: Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn L. Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Duy T về việc tháo dỡ bể nước xây trên đất tranh chấp, không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lương Duy T. Ông Vi Văn L được quản lý sử dụng đất theo giấy chứng nhận sử dụng đất số BN 963541, ngày 13/02/2015, tên người sử dụng đất là ông Vi Văn L, bà Phạm Thị T tại thôn K, xã T, huyện V đối với thửa đất số 364, diện tích 344m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2008. Ông Lương Duy T được quản lý sử dụng đất theo giấy chứng nhận sử dụng đất số AP 237376 cấp ngày 19/12/2008 thửa đất số 331 diện tích 1271m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T tên người sử dụng là ông Lương Duy T và bà Nông Thị H. Buộc ông Vi Văn L phải tháo rỡ một phần bể nước xây trên đất ông Lương Duy T và trả lại đất đã lấn chiếm thửa đất số 331 cho ông Lương Duy T với diện tích là 19,1m^2 (theo sơ đồ đo vẽ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/01/2018). Buộc ông Lương Duy T phải trả lại đất đã lấn chiếm thửa đất số 364 cho ông Vi Văn L với diện tích 5,6m^2 (theo sơ đồ đo vẽ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/01/2018).

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tổng chi phí là 5.774.000đ. Ông Vi Văn L đã nộp 2 lần tạm ứng tổng cộng là 5.774.000đ, do yêu cầu được chấp nhận một phần nên ông Vi Văn L phải chịu một phần hai chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông Lương Duy T phải chịu một phần hai chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, cụ thể mỗi người phải chịu 2.887.000đ tiền chi phi xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; áp dụng khoản , 4 Điều 26 khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Vi Văn L và ông Lương Duy T phải chịu án phí dân sự tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể: ông Vi Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.030.800đ; ông Lương Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định: Nội dung tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với ranh giới hai thửa đất số 464 và 331 thuộc tờ bản đồ số tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T được đo vẽ năm 2008, trong đó xác định được diện tích tranh chấp nằm trong thửa đất số 331 là 19,1m^2; diện tích tranh chấp nằm trong thửa đất số 364 là 5,5m^2. Quá trình thụ lý giải quyết ông Lương Duy T yêu cầu tháo dỡ bể nước do ông Vi Văn L xây lấn chiếm trên đất của Lương Duy T và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 963541, ngày 13/02/2015, tên người sử dụng đất là ông Vi Văn L, bà Phạm Thị T tại thôn K, xã T, huyện V đối với thửa đất số 364, diện tích 344m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2008.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Vi Văn L cùng với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T, chị Vi Thị Mỹ H, chị Vi Thị Hiền L thấy rằng: Thửa đất số 364 do ông Vi Văn L và bà Phạm Thị T nhận chuyển nhượng từ ông Phương Dính L đúng theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 963541, ngày 13/02/2015, tên người sử dụng đất là ông Vi Văn L, bà Phạm Thị T tại thôn K, xã T, huyện V đối với thửa đất số 364, diện tích 344m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2008, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện V là đúng thẩm quyền và trình tự thử tục nên người sử dụng đất được pháp luật bảo vệ và có quyền quản lý sử dụng trong chỉ giới của thửa đất, quá trình quản lý, sử dụng đất liền kề ông Lương Duy T đã lấn chiếm đất nằm trong thửa số 364 với diện tích 5,5m^2 nên ông Lương Duy T phải trả lại cho ông Vi Văn L diện tích đất đã lấn chiếm là 5,5m^2 , xác định bằng đường vẽ nét liền là đường ranh giới hai thửa đất theo bản đồ địa chính kéo về phía nét vẽ đứt là đường ranh giới do bà Lương Thị N đại diện ông Lương Duy T chỉ. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần khởi kiện của ông Vi Văn L và yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T, chị Vi Thị Mỹ H, chị Vi Thị Hiền L.

[3] Xét yêu cầu của ông Lương Duy T, bà Nông Thị H về tranh chấp quyền sử dụng đất thấy rằng: Thửa đất số 331 đã được Ủy ban nhân dân huyện

V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 237376 cấp ngày 19/12/2008 thửa đất số 331 diện tích 1271m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T cho ông Lương Duy T và bà Nông Thị H là đúng theo quy định của pháp luật. Ông Lương Duy T với bà Nông Thị H được pháp luật bảo vệ và có quyền quản lý sử dụng trong chỉ giới của thửa đất, ông Vi Văn L đã lấn chiếm với điện tích đất là 19,1m^2 và xây một phần bể nước trên đất tranh chấp nên việc ông Lương Duy T đòi ông Vi Văn L trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và yêu cầu tháo dỡ phần bể nước xây lấn chiếm trên đất là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu này của ông Lương Duy T. Ông Vi Văn L phải trả lại cho ông Lương Duy T phần diện tích đất đã lấn chiếm là 19,1m^2, xác định bằng đường vẽ nét liền là đường ranh giới theo bản đồ địa chính kéo về phía nét vẽ đứt là đường ranh giới do ông Vi Văn L chỉ và phải tháo dỡ một phần tường bể nước xây từ nét vẽ liền là đường ranh giới theo bản đồ địa chính kéo về phía đường vẽ nét đứt do ông Vi Văn L chỉ.

[4] Xét yêu cầu của ông Lương Duy T, bà Nông Thị H về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 963541, ngày 13/02/2015 thấy rằng: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất đối với thửa đất số 364, diện tích 344m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2008 đã được Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thử tục nên không có căn cứ để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 963541, ngày 13/02/2015, theo yêu cầu của ông Lương Duy T. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Lương Duy T và bà Nông Thị H về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 963541, ngày 13/02/2015.

[5] Xét Đơn phản tố gửi đến Tòa án ngày 27/3/3018 của bà Lương Thị N là người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Duy T thấy rằng nội dung ghi trong đơn là ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, không phải là yêu cầu độc lập nên được xem xét trong vụ án và không phải chịu án phí.

[6] Xét khoản tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tổng số tiền chi phí là 5.774.000đ. Ông Vi Văn L đã nộp 2 lần tạm ứng tổng cộng là 5.774.000đ, do yêu cầu được chấp nhận một phần nên ông Vi Văn L phải chịu một phần hai chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông Lương Duy T được chấp nhận một phần yêu cầu nên phải chịu một phần hai chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, cụ thể mỗi người phải chịu 2.887.000đ tiền chi phi xem xét thẩm định và định giá tài sản. Ông Vi Văn L đã nộp chi trước nên ông Lương Duy T phải trả cho ông Vi Văn L số tiền 2.887.000đ.

[7] Xét về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; áp dụng khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Vi Văn L và ông Lương Duy T phải chịu án phí dân sự tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể: ông Vi Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.030.800đ; ông Lương Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 143, 147, 155, 156, 157, 158, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 174, 175, 189, 203 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 167, 168, 169, 170, 188, 203 Luật đất đai 2013; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn L về tranh chấp quyền sử dụng đất;

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lương Duy T về tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tranh chấp;

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Duy T về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1. Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Vi Văn L và bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 364, diện tích 344m^2 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2008. Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 963541, ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Buộc ông Lương Duy T phải trả lại diện tích đất 5,5m^2 phần đất ranh giới giữa thửa đất số 364 với thửa đất 331 nằm trong thửa số 364 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2008, **được xác định từ đường vẽ nét liền là đường ranh giới theo bản đồ địa chính giữa hai thửa đất kéo về phía đường vẽ nét đứt là đường ranh giới do bà Lương Thị N đại diện ông Lương Duy T chỉ (Có sơ đồ kèm theo).**

2. Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Lương Duy T và bà Nông Thị H đối với thửa đất số 331 diện tích 1271m^2 thuộc tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 237376, cấp ngày 19/12/2008.

Buộc ông Vi Văn L trả lại diện tích đất là 19,1m^2 phần đất ranh giới giữa thửa đất số 364 với thửa đất 331 nằm trong thửa đất số 331 tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2008, **được xác định từ đường vẽ nét liền là đường ranh giới theo bản đồ địa chính giữa hai thửa đất kéo về phía nét vẽ đứt là đường ranh giới do ông Vi Văn L chỉ và tháo dỡ một phần tường bể nước xây lấn từ nét vẽ liền kéo về phía đường vẽ nét đứt do ông Vi Văn L chỉ (Có sơ đồ kèm theo).**

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, căn cứ Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Vi Văn L phải chịu 2.887.000đ (Hai triệu tám trăm tám mươi bẩy

nghìn đồng) tiền chi phi xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Ông Lương Duy T phải chịu 2.887.000đ (Hai triệu tám trăm tám mươi bẩy nghìn đồng).

Ông Vi Văn L đã nộp chi phí trước là 5.774.000đ (Năm triệu bẩy trăm bẩy mươi bốn nghìn đồng) nên ông Lương Duy T phải trả cho ông Vi Văn L số tiền 2.887.000đ (Hai triệu tám trăm tám mươi bẩy nghìn đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; áp dụng khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Vi Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.030.800đ (Một triệu không trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng). Ông Vi Văn L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2012/03686, ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nay còn phải nộp tiếp số tiền 730.000đ (Bẩy trăm ba mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước

Buộc ông Lương Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/5/2018. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Triệu Văn Thái